

Bản án số: 26/2019/HNGĐ-ST  
Ngày 25-4-2019  
V/v tranh chấp về ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phan Thanh Tùng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Thái Kim Thành

2. Ông Nguyễn Văn Ninh

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Xuân Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Ông Dương Nguyên Khang - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 933/2018/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp “ Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Đoàn Thị Phú Q, sinh năm 1973; địa chỉ: Ô 1/181 AB, khu phố T, thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh (Vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Trần Văn T, sinh năm 1985; địa chỉ: Ô 1/181 AB, khu phố T, thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh (Vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án của chị Q trình bày:* chị và anh T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2012, nhưng không đăng ký kết hôn; trong quá trình sống chung đến cuối năm 2018 phát sinh mâu thuẫn do anh T chơi bài bạc không lo làm ăn dẫn đến gây gổ nhau thường xuyên. Nay yêu cầu không công nhận quan hệ giữa chị Q và anh T là vợ chồng, về con chung chị Q yêu cầu được tiếp tục nuôi không yêu cầu anh T cấp dưỡng, tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 14-02-2019 bị đơn anh T thừa nhận có sống

chung với chị Q như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn, con chung có một người. Trong thời gian sống chung giữa anh và chị Q có mâu thuẫn nhau về tiền bạc nên gây gổ thường xuyên. Nay chị Q yêu cầu ly hôn anh không đồng ý lý do mâu thuẫn chưa trầm trọng. Nếu Tòa án cho ly hôn anh yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng; tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết.

- Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến khi nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự thủ tục do Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Chị Q và anh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Chị Q và anh T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2012, quá trình sống chung thì phát sinh mâu thuẫn nên chị Q làm đơn yêu cầu giải quyết. Do chị Q và anh T chung sống với nhau nhưng không có đăng ký kết hôn, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Q và anh T.

Về con chung: cháu Đoàn Kim Ngọc, sinh ngày 20-6-2013. Xét thấy chị Q có nhà ở và việc làm ổn định, còn anh T vắng nhà thường xuyên do làm nghề lái xe thuê, đề nghị giao con cho chị Q tiếp tục nuôi là có căn cứ theo quy định tại Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu đề nghị không giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: chị Q và anh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị Q và anh T là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự nên chấp nhận.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào lời khai và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có căn cứ xác định. Chị Q và anh T tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng vào năm 2012 nhưng có không đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình; quá trình sống chung với nhau đến cuối năm 2018 phát sinh mâu thuẫn về chuyện tiền bạc nên chị Q làm đơn yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ giữa chị Q và anh T là vợ chồng. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ giữa chị Q và anh T là vợ chồng là có căn cứ theo khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Q và anh T thừa nhận có một người con chung tên Đoàn Kim Ngọc, sinh ngày 20-6-2013. Xét thấy anh T làm nghề lái xe thuê nên thường xuyên vắng nhà, chị Q có việc làm và thu nhập ổn định tại nhà nên việc chăm sóc, nuôi dưỡng con tốt hơn anh T. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề

ngiht giao con cho chị Q tiếp tục nuôi là có căn cứ theo quy định tại Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu nên không giải quyết.

[5] Về án phí: chị Đoàn Thị Phú Q phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo qui định tại Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí.

1. Về quan hệ hôn nhân: tuyên bố không công nhận quan hệ giữa chị Đoàn Thị Phú Q và anh Trần Văn T là vợ chồng.

2. Về con chung: giao cháu Đoàn Kim Ngọc, sinh ngày 20-6-2013 cho chị Đoàn Thị Phú Q tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng; cấp dưỡng nuôi con chị Q không yêu cầu giải quyết. Anh Trần Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu nên không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đoàn Thị Phú Q phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí do chị Q đã nộp 300.000 theo biên lai thu số 0008583 ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Dầu (Chị Q đã nộp xong).

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Chị Đoàn Thị Phú Q và anh Trần Văn T có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- CC.THADS huyện Gò Dầu;
- Các đương sự;
- Lưu: TAGD, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phan Thanh Tùng**

